SAO Y; Ủy ban Dân tộc; Thời gian ký: 26/12/2023 10:05:41 +07:00

SAO LỤC; Tỉnh Lạng Sơn; 27/12/2023 09:29:32 +07:00

UỶ BAN DÂN TỘC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 992/QĐ-UBDT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 của Ủy ban Dân tộc

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định số 66/2022/NĐ-CP ngày 20/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Công văn số 4780/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 10 tháng 9 năm 2023 của Bộ Tư pháp về việc đề xuất theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban Dân tộc năm 2024 *(có kế hoạch kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT (để b/c);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng dân tộc thiểu số và miền núi;
- Lưu: VT, PC (02 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM

Y Thông

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban Dân tộc năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 992 /QĐ-UBDT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ) Ủy ban Dân tộc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Khảo sát, kiểm tra, đánh giá thực trạng việc thi hành chính sách, pháp luật về "***Chính sách phát triển thể dục, thể thao vùng dân tộc thiểu số***". Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả và hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật có liên quan.

2. Yêu cầu

a) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và các văn bản có liên quan;

b) Đảm bảo sự tham gia, phối hợp chặt chẽ giữa các Vụ, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai, theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

c) Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của các Vụ, đơn vị trong việc triển khai thực hiện công việc được phân công.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Theo dõi tình hình pháp luật về "*Chính sách phát triển thể dục, thể thao vùng dân tộc thiểu số*" của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc: khoản 1. *"Bảo tồn và phát triển các môn thể dục, thể thao truyền thống của các dân tộc"*; khoản 2. *"Đầu tư xây*

dựng và hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm tập luyện thể dục thể thao ở vùng dân tộc thiểu số.".

Thời gian theo dõi thi hành pháp luật từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 30/9/2024, bao gồm các nội dung sau:

a) Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật

- Thu thập thông tin từ văn bản, báo cáo của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp, một số Bộ, ngành liên quan; báo cáo của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thu thập thông tin về tình hình thi hành chính sách, pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do các tổ chức, cá nhân phản ảnh, cung cấp.

- Đơn vị chủ trì: Vụ Pháp chế.

- Đơn vị phối hợp: Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

b) Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

- Tiến hành kiểm tra thực tế tình hình thi hành chính sách, pháp luật về "*Chính sách phát triển thể dục, thể thao vùng dân tộc thiểu số*" của Ủy ban nhân dân một số tỉnh, thành phố phù với với vùng miền (địa điểm cụ thể Ủy ban Dân tộc sẽ có văn bản gửi địa phương để lồng ghép với các hoạt động khác cho phù hợp với Kế hoạch).

+ Thời gian kiểm tra: Mỗi tỉnh 3 ngày.

+ Phương thức kiểm tra: Yêu cầu địa phương tự kiểm tra, báo cáo kết quả và Đoàn đi kiểm tra trực tiếp thực tế tại địa phương.

+ Mốc thời gian kiểm tra: từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 30/6/2024.

- Đơn vị chủ trì: Vụ Pháp chế (Thành phần đoàn dự kiến 03 người chưa kể lái xe, phương tiện đi lại bằng ô tô, máy bay).

- Thời gian thực hiện: Quý III, IV năm 2024

2. Xây dựng Báo cáo về công tác theo dõi thi hành pháp luật:

Thực hiện theo quy định Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ và Thông tư số 14/2014/TT-BTP, ngày 15/5/2014 của Bộ Tư pháp; Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính *(Gồm báo cáo kết quả của 03 đoàn kiểm tra và 01 báo cáo công tác năm*).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Vụ pháp chế chủ trì, phối hợp với các Vụ, đơn vị liên quan của Ủy ban Dân tộc triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch.

2. Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Ủy ban bố trí kinh phí để triển khai, thực hiện Kế hoạch.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chỉ đạo cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan xây dựng báo cáo, phối hợp với Vụ Pháp chế, các Vụ, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

QĐ992

Danh sách gửi
(Công văn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố)

STT	Đơn vị
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang
2	Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng
3	Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai
4	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
5	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Lai Châu
6	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Sơn La
7	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Yên Bái
8	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Hòa Bình
9	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Lạng Sơn
10	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Thanh Hóa
11	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Nghệ An
12	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Bắc Kạn
13	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Bắc Giang
14	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế
15	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Quảng Bình
16	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Quảng Trị
17	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Phú Thọ
18	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc
19	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Quảng Ninh
20	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Thái Nguyên

21	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Ninh Bình
22	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Đồng Nai
23	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Ninh Thuận
24	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Bình Thuận
25	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Bình Phước
26	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Bà rịa Vũng Tàu
27	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Tây Ninh
28	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Vĩnh Long
29	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Cà Mau
30	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Hậu Giang
31	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Kiên Giang
32	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh An Giang
33	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Đồng Tháp
34	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Bạc Liêu
35	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Sóc Trăng
36	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Trà Vinh
37	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Đắk Nông
38	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Lâm Đồng
39	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Đắk Lắk
40	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Gia Lai
41	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Kon Tum
42	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Bình Định
43	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Phú Yên
44	Ủy ban nhân tỉnh Khánh Hòa
45	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Quảng Nam

46	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
47	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Hà Tĩnh
48	Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Tuyên Quang
49	Ủy ban nhân nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
50	Ủy ban nhân nhân dân Thành phố Cần Thơ
51	Ủy ban nhân nhân dân Thành phố Hà Nội